

Tổ, n nh©n d©n
nam

Céng h©p x· héi chñ nghÖa viÖt

Thñnh phè viÖt tr×
lËp - Tù do - H¹nh phóc
tønh phó thã

Séc

B¶n , n sè: 11/2019/HNGS-ST

Nguy:10/5/2019.

V/v: “TrA chấp hôn nhân và gia đình”

Nh©n dA

n-íc céng h©p x· HÖI chñ nghÖa viÖt nam

Tổ, n nh©n d©n thñnh phè viÖt tr× - tønh phó tHÖ
Thñnh phçn Héi ®ång xÐt xö s- thÈm gãm cã:

ThÈm ph, n - Chñ to¹ phiªn toµ: Bà Nguyễn Thị Thơm

C, c Héi thÈm nh©n d©n: 1/Ông: Vũ Văn Chuyên

2/Ông: Lê Ngọc Tường

Th- ký phiªn toµ: Bà **Đào Thị Bích Liên** - Thư ký Tòa án nhân
dân thành phố Việt Trì

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì tham gia phiên tòa: Bà
Trần Thị Kim Xuân – Kiểm sát viên.

Ngay 10 tháng 5 năm 2019, t¹i trô sẽ Tổ, n nh©n
d©n Thñnh phè ViÖt Tr× xÐt xö c«ng khai vô , n thô lý
số 609/2018/TLST- HNGS ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh
chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết ®pnh ®-a vô , n ra xÐt xö
sè: 198/2019/QSST - HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 và
quyết định hoãn phiên tòa số 235/2019/QĐST- HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm
2019 gi÷a c, c ®-ng sù:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Đ** - sinh năm 1970.

ĐKHKT: Tổ A, Khu B, phường VP, thành phố Việt Trì tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: A **Phan Thế A** - sinh năm 1956.

ĐKHKT: Tổ B, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì tỉnh Phú Thọ.

(Chị Đ có mặt, AA vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn là chị Lê
Thị Đ trình bày: Chị Đ và anh Phan Thế A có đăng ký kết hôn ngày 08/09/2013
tại UBND phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn,
anh chị được tự do tìm hiểu không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về
chung sống tại Tổ A, khu B, phường Văn Phú, thành phố Việt Trì tỉnh Phú Thọ.

Trong quá trình vợ chồng chung sống được thời gian đầu hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hay

cãi chửi nhau. Nay tình cảm không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Thế A.

Về con chung: Chị Lê Thị Đ và anh Phan Thế A không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, về công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Chị Lê Thị Đ xác định vợ chồng A, chị không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bên bị là anh Phan Thế A quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành trình tự, thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật báo gọi anh A đến Tòa, nhưng anh A không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Do đó Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về trình tự thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Đ khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh Phan Thế A là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì tỉnh Phú Thọ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì thụ lý và xét xử là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Anh Phan Thế A đã được Tòa án tổng đạt quyết định xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, anh A có tình trạng không hợp tác, việc anh A có tình trạng trốn tránh không đến Tòa có nghĩa là A từ chối quyền được trình bày tại tòa và không thực hiện nghĩa vụ của người công dân. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt A.

Về nội dung:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Đ và anh Phan Thế A là hai người hôn nhân hợp pháp, hai bên kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện và kết hôn từ nguyện, cả hai cùng ký kết hôn tại UBND phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại phường Văn Phú, thành phố Việt Trì

tỉnh Phú Thọ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc trong thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi chửi nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân nhau. Sẵn tiện qua xác minh tại chính quyền địa phương, thấy rằng cuộc sống chung của chị Đ và A đã xảy ra mâu thuẫn, có cãi nhau, hai bên đã sống ly thân nhau, không ai còn

quan tâm đến ai nữa. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Đ và A A mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị Đ được ly hôn với A A lập phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị Đ và Anh A không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung, công đóng góp gia đình: Chị Đ không đồng ý chia, nên giải quyết vụ anh A vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Chị Đ lập nguyện ước, nhận phạt, nên xử lý hôn nhân thêm theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng qui định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Đ được ly hôn A Phan Thế A.

[2] Về con chung: Chị Đ và anh A không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về vấn đề tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình: Chị Đ không đồng ý chia, nên giải quyết vụ anh A vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về các lý do,

Quyết định

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xö cho cho chÞ Lê Thị Ð được ly hôn A Phan Thế A.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Ð và A Phan Thế A không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về vấn đề tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Ð phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), nên phí ly hôn sẽ thêm (xác nhận chị Ð đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000 455 ngày 13/12/2018 của chi cục thi hành án dân sự TP. Việt Trì).

Nguyên nhân có mặt cả quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết ở đơn vị công tác theo trình tự phúc thẩm.

Nội dung:

T/M hội đồng xét xử

- VKSND thành phố, tỉnh;

Thêm phần - Chỉ tọa

phần tọa

- Thị trấn, huyện dẫn sự thành phố;

- Các đơn vị;

- UBND phường GC;

- Lưu hồ sơ, nên vãn.

Nguyễn Thị Thơm

